

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN HAI BÀ TRUNG  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI  
Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 13 và 14/5/2020  
V/v : Tranh chấp ly hôn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- *Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm :*

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa :** Ông Hoàng Liên Sơn

**Hội thẩm nhân dân:** 1/ Bà Nguyễn Thị Huyền Nga

2/ Ông Đoàn Xuân Miến

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thanh Thủy– Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên Tòa:*

Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 và 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình, thụ lý số 59/2020/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020, về việc: “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2020/QĐXX-ST ngày 23/4/2020; Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị **Thái Thị Kim T-** Sinh năm 1971( Có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Thành:* Luật sư Mai Bích Ngân;  
Luật sư Nguyễn Ngọc Đạt- Luật sư Công ty Luật TNHH Đông Hà Nội( Có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Trần Việt H-** Sinh năm 1962( Có mặt)

Cùng trú tại: số 61- 63 phố H, phường N( Nay là phường P), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/10/2019, cùng các lời trình bày khác tại Tòa án; nguyên đơn là chị Thái Thị Kim T trình bày:*

Chị và anh Trần Việt H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/1997 tại UBND phường N, Hà Nội.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do quan điểm, lối sống của anh H không phù hợp với

chị. Tại phiên tòa, chị T xác định nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là : từ năm 2014, chị phát hiện anh H có quan hệ đồng tính với người đàn ông tên M. Anh H và người tên M thường xuyên liên lạc, thuê khách sạn sống với nhau. Từ khi có quan hệ đồng tính, anh H không quan tâm gì đến gia đình, không có trách nhiệm với vợ con, anh H thường chuyển tiền chu cấp cho người tên M. Vợ chồng không nói chuyện, bàn bạc với nhau mọi vấn đề trong cuộc sống từ năm 2014 cho đến nay. Cũng từ năm 2014, vợ chồng mặc dù sống chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau, việc ai người đó làm, không sinh hoạt vợ chồng, sống ly thân.

Năm 2019, năm 2020 chị đã lập vi bằng về các chứng cứ anh H quan hệ đồng tính với người tên M ( chị nộp vi bằng tại phiên tòa). Chị được biết anh H hiện nay đã có con riêng do thụ tinh nhân tạo và giao cho người tên M nuôi.

Chị xác định cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh H không tồn tại, chị không còn tình cảm với anh M, anh M cũng không có tình cảm gì với chị, Chị đề nghị Tòa án cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

*Quá trình giải quyết vụ án, anh H xác nhận đã nhận được các thông báo thụ lý, thông báo đến Tòa án giao nộp tài liệu trình bày ý kiến, thông báo phiên họp giao nộp chứng cứ và hòa giải của Tòa án, nhưng anh không đến tòa theo thông báo vì anh không muốn ly hôn.*

*Tại phiên tòa ngày 13/5/2020, anh Trần Việt H trình bày:* Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng, anh không bổ sung gì thêm. Anh xác nhận đã được biết các tài liệu vi bằng do chị T nộp tại phiên tòa. Anh cho rằng từ khi kết hôn, vợ chồng anh không có mâu thuẫn gì. Chỉ từ khoảng năm 2014, chị T trở thành Phật tử, theo đạo Phật, nên thường xuyên đi theo các sư chùa để học tập, nghe giảng kinh. Có những thời điểm chị T đi vài ngày mới về, không quan tâm gì đến anh. Về phần anh, do anh dành nhiều thời gian cho công việc, nên cũng không quan tâm tới chị T. Thời gian này cả hai con anh đều đã đi học ở nước ngoài chỉ có hai vợ chồng sống với nhau. Anh công nhận từ năm 2014 đến nay, vợ chồng anh không có tiếng nói chung, không nói chuyện với nhau, không bàn bạc mọi vấn đề trong cuộc sống, việc ai người đó làm, không để ý quan tâm lẫn nhau. Anh cũng công nhận các tài liệu vi bằng chị T nộp là đúng, anh cũng xác nhận đã có con riêng bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo và giao con riêng cho người đàn ông tên M nuôi. Quan điểm của anh về mối quan hệ với người tên M như sau: anh cho rằng những bức ảnh anh ôm, hôn người tên M là đúng sự thực, nhưng việc này xã hội cũng không lên án, không trái đạo đức. Anh và anh M hợp nhau về nhiều quan điểm, có thể chia sẻ với nhau mọi vấn đề. Việc anh có con riêng bằng phương pháp

thụ tình nhân tạo là do anh và anh M thỏa thuận. Cho đến nay, anh chưa chung sống với anh M như chị T nói. Việc anh chuyển tiền cho anh M là đúng, nhưng xuất phát từ tình cảm cá nhân của anh.

Đối với việc chị T xin ly hôn anh không đồng ý vì không muốn phá vỡ gia đình.

Chị Thái Thị Kim T trình bày: chị vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh M. Các tài liệu chứng minh mâu thuẫn giữa chị và anh M trầm trọng, chị đã nộp cho Tòa án.

Về con chung: chị T, anh H đều xác nhận có 02 con chung đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị T, anh H đều không yêu cầu giải quyết trong vụ án tranh chấp ly hôn.

*Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T phát biểu quan điểm bảo vệ quyền lợi cho chị T như sau:* việc anh H có quan hệ đồng giới với người đàn ông tên M, có con riêng giao cho anh M nuôi đã được anh H xác nhận tại phiên tòa. Việc này đã chứng minh, anh H vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng. Từ năm 2014 cho đến nay, anh H và chị T sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mâu thuẫn giữa anh H, chị T đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

Về con chung và tài sản chung: đề nghị không xem xét.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; đưa ra quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

#### **Về việc tuân theo pháp luật:**

- Việc thụ lý vụ án “tranh chấp ly hôn” là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự tố tụng trong quá trình thụ lý vụ án, điều tra xác minh, giao thông báo của Tòa án cho các đương sự. Tài liệu điều tra đã đầy đủ.

- Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Quá trình giải quyết, anh H không chấp hành các thông báo của Tòa án.

#### **Đề xuất hướng giải quyết vụ án:**

- Về tình cảm: Hôn nhân giữa anh H, chị T là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng của anh H, chị T: Theo tài liệu chị T nộp cho Tòa án và lời trình bày của anh H tại phiên tòa thì mâu thuẫn vợ chồng là do anh H có quan hệ đồng tính với người đàn ông tên M. Vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm

chăm sóc lẫn nhau, việc ai người đó làm. Mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình: cho chị T ly hôn anh H.

- Về con chung: Hai con chung đã trưởng thành, nên không xem xét.
- Về tài sản chung: Không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng:

Việc chị Thái Thị Kim T làm đơn xin ly hôn anh Trần Việt H (anh, chị đều trú tại: số 61- 63 phố H, phường Ngô Thị N( Nay là phường P), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của chị Thái Thị Kim T: căn cứ vào Giấy đăng ký kết hôn, lời khai thừa nhận của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Thái Thị Kim T và anh Trần Việt H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/9/1997 tại UBND phường Ngô Thị N, Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của chị T, anh H tại phiên tòa; căn cứ nội dung tin nhắn, hình ảnh, nội dung chuyển tiền trong 02 tài liệu vi bằng do chị T nộp. Hội đồng xét xử xác định nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T với anh H là từ năm 2014 vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau, việc ai người đó làm, vợ chồng đã sống ly thân, mặc dù cùng nơi cư trú. Tình cảm vợ chồng không còn từ khi anh H có quan hệ tình cảm đồng tính với người đàn ông tên M từ năm 2019. Nguyên nhân này đã dẫn đến tình trạng vợ chồng càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Thái Thị Kim T. Cho chị T ly hôn anh Trần Việt H.

[2.2] Về con chung: chị T, anh H xác nhận có 02 con chung đã trên 18 tuổi là Trần Thái A- Sinh 1998 và Trần Thái C- Sinh 2001. Hiện nay cả hai con chung đều sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: chị T, anh H đề nghị được giải quyết trong vụ án dân sự khác, không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nên không xét.

3. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: chị Thái Thị Kim T

phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí ly hôn.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Bởi các lẽ trên*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Xử:**

[1] Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thái Thị Kim T. Cho chị Thái Thị Kim T ly hôn anh Trần Việt H.

[2] Về con chung: chị T, anh H xác nhận có 02 con chung đã trên 18 tuổi là Trần Thái A- Sinh 1998 và Trần Thái C- Sinh 2001. Hiện nay cả hai con chung đều sức khỏe bình thường, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[3] Về tài sản chung là động sản và bất động sản: chị Thái Thị Kim T, anh Trần Việt H đề nghị giải quyết trong vụ án dân sự khác, nên không xét.

[4] *Về án phí:* chị Thái Thị Kim T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ tạm ứng án phí, tại Biên lai thu án phí, lệ phí Tòa án số 3280 ngày 16/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng.

Chị Thái Thị Kim T, anh Trần Việt H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm  
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND Q. Hai Bà Trưng;
- UBND Phường Liên, Đống Đa;
- Lưu hồ sơ.

**Hoàng Liên Sơn**